

Bản án số: 155/2024/HS-PT
Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Bà **Trần Thị Trâm Anh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2024/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1986 tại Kiên Giang; Nơi ĐKTT và cư trú: Tổ F, ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án:

1. Bản án số 01/HS-ST ngày 24/01/2008, Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

2. Bản án số 126/2011/HS-ST ngày 19/7/2011, Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bản án số 80/2017/HS-PT ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đã nộp án phí hình sự 200.000 đồng ngày 24/6/2019.

4. Bản án số 18/2020/HS-ST ngày 23/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự giá ngạch.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/01/2024, M điện thoại cho B hỏi mua ma túy số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được B đồng ý bán và nói sẽ gửi ma túy cho M bằng đường xe khách. Khoảng hơn 12 giờ ngày 24/01/2024, M nhận cuộc điện thoại số lạ điện tới nói nhận hàng lúc 18 giờ và cho số xe khách (M không nhớ biển kiểm soát xe). M đón xe khách để nhận một hộp giấy được gói giấy kiếng màu xanh, M lấy hộp giấy và đưa 2.000.000 đồng. Sau đó, M mở hộp giấy ra thấy bên trong có để 02 gói ma túy, M lấy 02 gói ma túy ra và vứt hộp giấy xuống kênh R - H. Sau đó, M lấy gói ma túy đổ một phần vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ) để sử dụng, số ma túy còn lại M cất cùng gói ma túy còn lại vào túi quần đang mặc. Đến khoảng 19 giờ ngày 24/01/2024, bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang thu giữ 02 gói ma túy do M cất giấu trong người và số tiền 300.000 đồng, tiền Việt Nam đồng.

Tại bản kết luận giám định số 97/KL-KTHS ngày 31/01/2024, của Phòng K1 - Công an tỉnh K kết luận:

Mẫu 01: Các hạt tinh thể màu trắng, dạng rắn không đồng nhất chứa bên trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 3,5028 gam.

Mẫu 02: Chất bám dính bên trong 01 (một) nỏ thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,2150 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Về thu giữ vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ các vật chứng bao gồm: (1) Các hạt tinh thể rắn màu trắng, dạng

rắn còn lại sau giám định có khối lượng là 3,4591 gam đựng trong một gói nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số 70/2024/Mẫu 01; (2) Chất bám dính còn lại sau giám định có khối lượng là 0,1782 gam đựng trong một gói nylon và một cái nõ thủy tinh được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số 70/2024/Mẫu 02; (3) 01 (một) điện thoại di động, hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng; (4) 01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo A92 màu xanh đã qua sử dụng; (5) 01 (một) chai nhựa trong suốt, trên miệng chai có viền tròn màu đỏ, dải nắp màu trắng bằng nhựa đường kính 2,7cm, nắp có gắn một đoạn ống hút sọc trắng xanh, dài 3,5cm đường kính 0,6cm, trên nắp có gắn một đoạn ống hút màu cam dài 29,7cm, đường kính 0,5cm; (6) 05 (năm) gói nylon trong suốt, trên miệng có rãnh gài sọc màu đỏ, kích thước 10,5cm x 6,2cm, không nhãn hiệu đã qua sử dụng; (7) 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu bạc dài 10,2cm đã qua sử dụng; (8) 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu xanh sọc trắng, một đầu cắt xéo mũi nhọn dài 10,3cm, đường kính 0,6cm; (9) 01 (một) cân tiểu ly, không rõ nhãn hiệu, hình chữ nhật kích thước 6,6cm x 3,5cm x 1,3cm đã qua sử dụng; (10) 01 (một) bình gas mini màu nâu bạc, không rõ nhãn hiệu dài 19,8cm, đường kính đáy 7,2cm đã qua sử dụng; (11) 01 (một) dụng cụ khò gas mini, trên thân có chữ Namilux màu nâu cam dài 19,5cm, rộng 6,5cm đã qua sử dụng; (12) 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6S Plus màu vàng đã qua sử dụng; (13) 300.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

Việc xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng đối với số mẫu vật còn lại sau giám định cùng với các vật chứng tại các mục từ số 1 đến số A chờ xử lý. Những đồ vật không phải là vật chứng của vụ án đã trả lại cho chủ hữu hợp pháp: trả cho chị Trương Thị Thu T1 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 6S Plus màu vàng đã qua sử dụng; trả cho bà Phạm Thị T 300.000 đồng tiền Việt Nam đồng.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2024/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Áp dụng: điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (S) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời điểm tù được tính từ ngày 24/01/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/6/2024, bị cáo Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng đã đóng tiền án phí những lần trước nên được xoá án tích, chỉ phạm tội khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tội danh, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự có căn cứ và đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xử phạt bị cáo 06 năm tù là tương xứng hành vi phạm tội. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 19 giờ ngày 24/01/2024 tại tổ F, ấp S, xã S, huyện H, Kiên Giang, Nguyễn Văn M đã có hành vi mua ma túy cất giấu thì bị phát hiện bắt quả tang, qua giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,7178 gam. Ngày 24/6/2019, bị cáo đóng án phí hình sự số tiền 200.000 đồng của Bản án số 80/2017/HS-PT ngày 10/5/2017. Còn 03 bản án, bị cáo chưa thực hiện việc đóng án phí hình sự và án phí dân sự giá ngạch. Do đó, bị cáo chưa được xoá án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng, Nhà nước nghiêm cấm mọi hoạt động tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Hành vi của bị cáo mua ma túy về cất giấu sử dụng là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 06 năm tù là tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo đã bị 04 lần xét xử, có thời gian dài cải tạo giáo dục nhưng vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (S) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2024.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 12/6/2024, của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp . (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh K (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc H1

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Nguyễn Văn M.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-HĐ ngày 07/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố bị can M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Điểm o khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về vật chứng của vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo A92 màu xanh đã qua sử dụng của bị cáo M và tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại.

Tại phiên tòa:

Bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm quay về giúp ích cho gia đình và xã hội.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Bị hại Trần Thị Hồng S1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt.
- Luật sư Phạm Hoàng K là người chữa cho bị cáo trình bày ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại là không có căn cứ xem xét vì cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Khi gặp bị hại, bị cáo nhớ lại chuyện trước đây, dì của bị cáo là Huỳnh Thị Kiều S2 vay tiền của bị hại S1 và không có khả năng trả nên giữa bị hại và bị cáo có nhắn tin qua lại trên facebook, bị cáo yêu cầu Soan gỡ hình S2 và con gái của S2 xuống nhưng S1 không thực hiện nên bị cáo tức giận, khi bị hại đi ngang qua bàn tiệc của bị cáo thì bị cáo đi tới, cố tình đụng vào người bạn đi cùng với bị hại làm cho bị hại té ngã, khi bị hại đứng dậy thì bị cáo dùng ly thủy tinh để uống bia đang cầm trên tay đánh một cái vào vùng trán của bị hại làm ly thủy tinh vỡ ra nhiều mảnh gây thương tích, chảy máu nhiều nơi trên cơ thể bị

hại. Hậu quả làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Thụy Yến L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt.

[3.1] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX xét thấy, do có mâu thuẫn trước đó khi bị hại đi ngang qua bàn của bị cáo, bị cáo dùng ly thủy tinh để uống bia đang cầm trên tay đánh bị hại bị hại. Hậu quả làm cho bị hại bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 13%. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo rất hung hăng, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của bị hại: Bị hại cho rằng mức án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là chưa nghiêm, yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. HĐXX nhận thấy, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị hại kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới, tại phiên tòa bị cáo cũng có thái độ ăn năn hối cải, đồng ý bồi thường cho bị hại. Từ đó không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo bà bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư:

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

Bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét00.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thụy Yến L;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Hồng S1;
- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phan Thụy Yến L** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Phan Thụy Yến L** 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thụy Yến L phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

Bị hại Trần Thị Hồng S1 phải chịu án phí phúc thẩm 200.000 đồng.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS TP huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Trương Ngọc Hồng